

BIỂU MẪU MỜI THẦU

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Mua số liệu mốc độ cao hạng III nhà nước	Mốc	2,000
2	Mua số liệu mốc toạ độ hạng III nhà nước	Mốc	2,000
3	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền hạng 4. Bộ thiết bị GPS (3 máy) (Lưới khống chế mặt bằng hạng 4, địa hình cấp IV (GPS))	điểm	2,000
4	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Máy toàn đạc điện tử (Đường chuyền cấp 2, ĐH cấp IV)	điểm	27,000
5	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV (Thủy chuẩn kỹ thuật, Địa hình cấp IV)	km	10,000
6	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV (Thủy chuẩn kỹ thuật, Địa hình cấp IV)	km	5,000
7	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình IV	100 ha	0,195
8	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV (Đo vẽ cắt dọc tuyến trên cạn, Địa hình cấp 4)	100m	48,640
9	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV (Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, Địa hình cấp 4)	100m	149,163
10	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV (Thủy chuẩn kỹ thuật, Địa hình cấp IV)	km	0,136
11	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình IV	ha	2,720
12	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV (Đo vẽ cắt dọc cầu trên cạn, Địa hình cấp 4)	100m	1,360
13	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV (Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, Địa hình cấp 4)	100m	9,184
14	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	4,000
15	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	8,000
16	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV (Đo vẽ mặt cắt lưu lượng cầu trên cạn, Địa hình cấp 4)	100m	3,000
17	Đo vẽ mặt cắt dọc ở dưới nước. Cấp địa hình I (Đo vẽ cắt dọc lòng suối dưới nước, Địa hình cấp 1)	100m	2,000
18	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III (Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đá I-III từ 0-30m (nền đường))	m khoan	42,000
19	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	42,000

20	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng (9 chỉ tiêu)	mẫu	11,000
21	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng (7 chỉ tiêu)	mẫu	11,000
22	Đào không chống độ sâu từ 0m đến 2m. Cấp đất đá I-III (Đào không chống độ sâu từ 0m - 2m ((1Km/1 hố KT(0,7x0,7x0,7))	m3	1,029
23	Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm (California Bearing Ratio)(Thí nghiệm CBR (Hố đào))	1 chỉ tiêu	3,000
24	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III (Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đá I-III (có ống chống) 0-30m (Cầu))	m khoan	12,000
25	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m	m khoan	10,000
26	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 3m	m khoan	3,000
27	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng (9 chỉ tiêu)	mẫu	6,000
28	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng (7 chỉ tiêu)	mẫu	6,000
29	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	6,000
30	Xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đá	1 chỉ tiêu	3,000
31	Nhân công điều tra khảo sát mỏ vật liệu, bãi thải	Công	3,000
32	Chi phí tư vấn thiết kế BVTC và Dự toán	Toàn bộ	1,000